

Bài 45.

NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC CÁC LOẠI VẬT NUÔI (1 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài này, GV phải làm cho HS :

1. Hiểu được những biện pháp chủ yếu trong nuôi dưỡng và chăm sóc đối với vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản.
2. Có ý thức lao động cần cù chịu khó trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi.

II. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Gợi ý phân bố bài giảng

Bài có 3 phần :

I. Chăn nuôi vật nuôi non

II. Chăn nuôi vật nuôi đực giống

III. Chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản

Trong khi thực hiện bài giảng, GV có thể dành thời lượng nhiều hơn theo thứ tự : Chăn nuôi vật nuôi non ; Chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản ; Chăn nuôi vật nuôi đực giống.

2. Một số kiến thức bổ sung

Một vài dẫn liệu về đặc điểm phát triển của vật nuôi non

– Vật nuôi non có tốc độ sinh trưởng, phát dục rất nhanh.

Ví dụ : Khối lượng lợn con 40 ngày tuổi gấp 7 – 8 lần lúc sơ sinh. Nhưng không đồng đều.

– Cơ quan tiêu hoá cũng phát triển nhanh nhưng chưa hoàn thiện về chức năng.

Ví dụ : Lợn con ở 3 tuần tuổi đầu tiên, một số enzym tiêu hoá chưa có hoạt tính mạnh : do thiếu axit HCl ở dạng tự do nên pepsinogen không hoạt động. Sau 25 ngày tuổi trong dịch vị lợn con mới có axit HCl ở dạng tự do và nó hoạt hoá pepsinogen trở thành enzym pepsin hoạt động, nên mới có khả năng tiêu hoá protein của thức ăn.

– Cơ quan điều tiết nhiệt chưa hoàn chỉnh nên thân nhiệt của vật nuôi non chưa ổn định.

Ví dụ : Lợn con khả năng điều tiết nhiệt kém do một số nguyên nhân sau : lớp mỡ dưới da lợn con còn mỏng, lượng mỡ và glycogen dự trữ còn ít nên khả năng cung cấp năng lượng bị hạn chế. Hệ thần kinh điều khiển cân bằng nhiệt chưa hoàn chỉnh.

Diện tích bề mặt cơ thể lợn con so với khối lượng chênh lệch tương đối cao nên có thể bị mất nhiệt nhiều khi bị lạnh.

– Ở vật nuôi non, các cơ quan đảm nhận chức năng miễn dịch bảo vệ cơ thể chưa hoàn chỉnh.

Ví dụ : Trong máu lợn mới sinh hầu như chưa có kháng thể, lượng γ globulin trong máu chỉ có 1,3%, nhưng sau khi bú sữa đầu 24 h lượng γ globulin đã tăng lên 20,3% trong máu.

Sản phẩm của chăn nuôi đực giống là phẩm chất tinh dịch

Trong tinh dịch có tinh trùng. Tinh trùng chứa khoảng 25% chất khô và 75% nước. Trong chất khô của tinh trùng có 50% protein, 13,2% lipit và 1,8% chất khoáng. Đặc tính sinh học chủ yếu của tinh trùng là có khả năng vận động độc lập nhờ vào sự vận động của đuôi. Tốc độ và khả năng vận động phụ thuộc vào mức độ thành thực của tinh trùng và môi trường nó hoạt động. Sức hoạt động và sức sống của tinh trùng phụ thuộc vào các điều kiện ngoại cảnh như nhiệt độ, ánh sáng, áp suất thẩm thấu, độ toan kiềm, các chất hoá học.

Sức sống của tinh trùng có ảnh hưởng đến sức sống của đời sau. Tinh trùng có sức sống cao thì khả năng sinh trưởng, phát dục, sức đề kháng đối với bệnh tật của đời sau càng cao. Cho nên trong chăn nuôi đực giống, việc định kì kiểm tra sức hoạt động của tinh trùng có ý nghĩa quan trọng trong chăn nuôi sinh sản.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Chuẩn bị bài giảng

1.1. Chuẩn bị nội dung

Nghiên cứu SGK và các tài liệu có liên quan.

1.2. Chuẩn bị đồ dùng dạy học

GV có thể vẽ to các sơ đồ 12, 13 trong SGK để làm tư liệu cho giảng dạy hoặc có thể sáng tạo ra những kiểu minh họa khác có kèm tranh, ảnh phục vụ cho giảng dạy.

2. Các hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động 1. Giới thiệu bài học

Bài học cung cấp cho HS những kiến thức cơ bản mang tính nguyên lí về nuôi dưỡng 3 loại vật nuôi là vật nuôi non, vật nuôi đực giống và vật nuôi cái sinh sản. Cần nắm được những đặc điểm đặc thù ở mỗi loại vật nuôi để có những biện pháp kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc phù hợp.

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu về chăn nuôi vật nuôi non

a) Một số đặc điểm của sự phát triển cơ thể nuôi non

GV yêu cầu HS quan sát hình 72 SGK và trả lời câu hỏi :

Cơ thể vật nuôi non có những đặc điểm gì ?

GV có thể gợi ý cho HS lấy ví dụ từ những vật nuôi trong gia đình các em như gà con, chó con, lợn con, bê, nghé... để HS liên hệ tới những đặc điểm đó.

b) Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non

Một số biện pháp chủ yếu về nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non đã được đề cập trong SGK. GV yêu cầu HS đọc và sắp xếp theo trình tự nuôi dưỡng đến chăm sóc dựa theo lứa tuổi từ đẻ ra đến lớn dần lên. Qua đọc, suy nghĩ, sắp xếp HS sẽ lĩnh hội được các biện pháp kĩ thuật chăn nuôi vật nuôi non.

- Đáp án :
1. Nuôi vật nuôi mẹ tốt ;
 2. Giữ ấm cho cơ thể, cho bú sữa đầu ;
 3. Tập cho vật nuôi non ăn sớm ;
 4. Cho vật nuôi non vận động, giữ vệ sinh, phòng bệnh cho vật nuôi non.

2.3. Hoạt động 3. Tìm hiểu về chăn nuôi vật nuôi đực giống

– GV giới thiệu cho HS hiểu được mục đích và yêu cầu của chăn nuôi vật nuôi đực giống.

+ Mục đích : Khả năng phối giống cao, đời con có chất lượng tốt.

+ Yêu cầu : Sức khỏe vật nuôi tốt (không quá béo).

Có khối lượng tinh dịch cao và chất lượng tinh dịch tốt.

– Để HS hiểu được các biện pháp kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đực giống, GV giới thiệu sơ đồ 12 SGK về mối liên quan giữa nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đực giống đến sản phẩm chăn nuôi đực giống, khả năng phối giống và biểu hiện cuối cùng là chất lượng đời sau tốt. Sơ đồ hoá kiến thức sẽ giúp HS lĩnh hội vấn đề tốt hơn, dễ dàng hơn.

GV hướng dẫn HS trao đổi về nuôi dưỡng, chăm sóc ảnh hưởng tới đời sau như thế nào ? Sau đó uốn nắn và hệ thống lại nội dung của sơ đồ về chăn nuôi vật nuôi đực giống.

2.4. Hoạt động 4. Tìm hiểu về chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản

– GV đặt vấn đề : Có 2 giai đoạn ảnh hưởng quyết định tới chất lượng sinh sản là giai đoạn vật nuôi mang thai (có chửa) và giai đoạn nuôi con. Hãy tìm hiểu về nhu cầu dinh dưỡng của từng giai đoạn này.

– GV giới thiệu sơ đồ 13 SGK về nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi cái sinh sản, HS quan sát và đánh số về mức độ ưu tiên dinh dưỡng ở từng giai đoạn. GV hướng dẫn HS thảo luận, GV uốn nắn, HS lĩnh hội được những kiến thức mang tính nguyên lý về nuôi dưỡng.

Đáp án :

Giai đoạn mang thai :

1. Nuôi thai.
2. Nuôi cơ thể mẹ và tăng trưởng (với vật nuôi cái mới đẻ lứa đầu).
3. Chuẩn bị cho tiết sữa sau đẻ.

Giai đoạn nuôi con :

1. Tiết sữa nuôi con.
2. Nuôi cơ thể mẹ.
3. Hồi phục cơ thể sau đẻ.

Về các biện pháp nuôi dưỡng chăm sóc, GV có thể yêu cầu HS tự đọc trong SGK và nêu lên những thắc mắc (nếu có).

2.5. Hoạt động 5. Tổng kết bài học

– GV gọi 1 – 2 HS đọc phần "*Ghi nhớ*".

– GV hệ thống lại bài học, HS trả lời câu hỏi.

– GV nhận xét, đánh giá về mục tiêu bài học đã đạt chưa về tinh thần, thái độ học tập, xây dựng bài tại lớp của HS ; Nêu ưu điểm và tồn tại cần rút kinh nghiệm.

– GV nhắc nhở HS trả lời câu hỏi cuối bài và chuẩn bị trước bài 46 SGK.